



CONVERSION COLOR CHART

by Ivan Cusimano

Tamiya Color Name	Color	Tamiya	Humbrol	Revell	AK Interactive	Mr. Hobby- Gunze	Vallejo	Italeri	R.A.L. (Federal Standard)
Gloss Black		X 1	21	36107	-	H2	-	4695AP	9005 (FS17038)
Gloss White		X 2	22	36104	RC222	H1/ H21/H316	71.279	4696AP	9010 (FS17875)
Gloss Royal Blue		X 3	15	36150	-	H328	-	4687AP	(FS15050)
Gloss Blue		X 4	14	52	-	H15	-	-	5005
Gloss Green		X 5	3	61	-	H6	-	-	6029
Gloss Orange		X 6	18	36125	RC009	H14	71.083	4302AP	2004 (FS32197)
Gloss Red		X 7	19	31	-	H3	-	4605AP	3000
Gloss Lemon Yellow		X 8	69	12	RC007	H329	-	-	1003
Gloss Brown		X 9	10	81	-	H7	-	-	8017
Gloss Gun Metal		X 10	53	36191	-	H76	-	4681AP	(FS37200)
Gloss Chrome Silver		X 11	11	32190	-	H8	-	4678AP	(FS17178)
Gloss Gold Leaf		X 12	16	36194	-	H9	-	4671AP	(FS17043)
Gloss Metallic Blue		X 13	52	98	-	H88	-	-	-
Gloss Sky Blue		X 14	48	50	-	H20	-	-	5012
Gloss Light Green		X 15	38	60	-	H16	-	-	-
Gloss Purple		X 16	68	353	-	H39	-	-	-
Gloss Pink		X 17	200	-	-	H19	-	-	-
Semi Gloss Black		X 18	85	302	-	H2	-	-	9005
Gloss Smoke		X 19	-	-	RC508	H95	-	-	-
Acrylic Thinner		X 20A	-	-	-	-	-	5049AP	-
Flat Base		X 21	49	36102	-	H20	70.520	4636AP	-
Gloss Clear		X 22	35	-	RC502	H30	70.510	4638AP	-
Gloss Clear Blue		X 23	-	-	RC504	H93	-	4650AP	(FS15200)
Gloss Clear Yellow		X 24	69	-	RC507	H91/H4	-	4642AP	(FS13538)
Gloss Clear Green		X 25	1325	-	RC505	H94	-	-	-
Gloss Clear Orange		X 26	1322	730	RC506	H92	-	-	-
Gloss Clear Red		X 27	1321	731	RC503	H90	-	-	-
Gloss Park Green		X 28	-	-	-	-	-	4669AP	(FS14090)
Gloss Titanium Gold		X 31	-	-	-	H18	-	4679AP	(FS37178)
Gloss Titanium Silver		X 32	-	-	-	-	-	-	-
Gloss Bronze		X 33	-	-	-	-	-	-	-
Gloss Metallic Brown		X 34	-	-	-	-	-	-	-
Semi Gloss Clear		X 35	-	-	-	-	-	-	-
Flat Black		XF 1	33	36108	RC001	H12	71.057	4768AP	9005 (FS37038)
Flat White		XF 2	34	36105	RC004	H11	71.001	4769AP	9003 (FS37875)
Flat Yellow		XF 3	154	36115	-	H329	-	4721AP	1017 (FS33538)
Flat Yellow Green		XF 4	81	-	-	-	-	4796AP	(FS33440)
Flat Green		XF 5	101	361	-	H340	-	4311AP	6003 (FS34096)
Flat Copper		XF 6	12	93	-	H10	-	-	-
Flat Red		XF 7	60	36	RC006	H13	-	4632AP	3002 (FS11136)

Tamiya Color Name	Color	Tamiya	Humbrol	Revell	AK Interactive	Mr. Hobby- Gunze	Vallejo	Italeri	R.A.L. (Federal Standard)
Flat Blue		XF 8	14	36152	-	H15	-	4659AP	5013 (FS15180)
Flat Hull Red		XF 9	73	36137	RC068	H406	71.041	4640AP	8017
Flat Brown		XF 10	98	381	-	-	-	4797AP	8025 (FS30045)
Flat Japanese Navy Green		XF 11	75	-	RC305	H65	71.322	4780AP	(FS34052)
Flat Japanese Navy Grey		XF 12	64	70	RC328	H62	71,326		-
Flat Japanese Army Green		XF 13	116	67	-	H309	-	4726AP	7009 (FS34079)
Flat Japanese Army Grey		XF 14	147	-	-	H57	-	-	-
Flat Flesh		XF 15	61	36135	-	H44	-	4601AP	(FS31575)
Flat Aluminium		XF 16	56	90	RC020	H8	71.062	-	-
Flat Sea Blue		XF 17	104	-	RC257	H55	71.295	4604AP	(FS35042)
Flat Medium Blue		XF 18	96	-	-	-	-	-	-
Flat Sky Grey		XF 19	64	-	-	H334	-	4765AP	(FS36495)
Flat Medium Grey		XF 20	126	36175	-	H306	-	4746AP	(FS36270)
Flat Sky Green		XF 21	90	-	-	H31	-	-	-
Flat RLM Grey		XF 22	92	166	-	-	-	-	7010
Flat Light Blue		XF 23	65	55	RC272	H67	71.255	-	6027
Flat Dark Grey		XF 24	123	69	-	-	-	-	7026
Flat Light Sea Grey		XF 25	87	-	-	-	-	-	-
Flat Deep Green		XF 26	30	36167	-	H302	-	4314AP 4723AP	6028 (FS34092)
Flat Black Green		XF 27	91	67	-	H320	-	-	7009
Flat Dark Copper		XF 28	-	-	-	H10	-	-	-
Flat Kaki		XF 49	72	36188	-	H52	-	-	-
Flat Field Blue		XF 50	112	36177	-	H305	-	4752AP	(FS36118)
Flat Kaki Drab		XF 51	155	36146	-	H421	-	4315AP	7013 (FS34088)
Flat Earth		XF 52	29	36187	-	H72	-	4303AP	7006 (FS30118)
Flat Neutral Grey		XF 53	27	-	-	H22	-	4754AP	7001 (FS36173)
Flat Dark Sea Grey		XF 54	140	-	RC299	H334	-	-	-
Flat Deck Tan		XF 55	28	-	FC254	H311	71.296	4763AP	(FS36622)
Flat Metallic Grey		XF 56	56	32199	-	H8	-	4677AP	(FS37178)
Flat Buff		XF 57	168	189	FC301	H336	-	-	-
Flat Olive Green		XF 58	30	-	-	H73	-	-	-
Flat Desert Yellow		XF 59	93	36116	-	H79	-	4645AP	1011 (30266)
Flat Dark Yellow		XF 60	121	89	RC060	H313	71.025	4720AP	1019 (FS30475)
Flat Dark Green		XF 61	30	-	-	H320	-	-	-
Flat Olive Drab		XF 62	66	36166	RC259	H78	71.316	4728AP	6003 (FS33070)
Flat German Grey		XF 63	67	78	RC057	H401	71.056	-	7021
Flat Red Brown		XF 64	160	36185	-	H47	-	4707AP	(FS30117)
Flat Field Grey		XF 65	116	167	RC027	H309	71.294	4726AP	7009 (FS34079)
Flat Light Grey		XF 66	87	-	-	-	-	-	-
Flat NATO Green		XF 67	-	-	RC080	C519	71.250	-	6031-F9

Tamiya Color Name	Color	Tamiya	Humbrol	Revell	AK Interactive	Mr. Hobby- Gunze	Vallejo	Italeri	R.A.L. (Federal Standard)
Flat NATO Brown		XF 68	70	36137	RC081	C520	71.249	4306AP	8027-F9 (FS30111)
Flat NATO Black		XF 69	-	-	RC082	C521	71.251	-	9021-F9
Flat Dark Green		XF 70	-	-	-	-	-	-	-
Flat Cockpit Green IJN		XF 71	-	-	RC293	C364	71.305	-	-
Flat Brown JGSDF		XF 72	-	-	-	-	-	-	-
Flat Dark Green JGSDF		XF 73	-	-	-	-	-	-	-
Flat Olive Drab JGSDF		XF 74	-	-	RC324	H423	71.011	-	-
IJN Flat Gray Kure		XF 75	-	-	-	-	-	-	-
IJN Flat Gray Green		XF 76	-	-	-	-	-	-	-
IJN Flat gray Sasebo Ars.		XF 77	164	-	RC296	H331	71.405	-	-
Flat Wooden Deck Tan		XF 78	-	-	-	-	-	-	-
Flat Lino Deck Brown		XF 79	-	-	-	-	-	-	-
Flat British Navy Gray		XF 80	167	-	RC299	H334	-	-	-
Flat Dark Green 2 RAF		XF 81	163	-	RC286	H330	71.324	-	-
Flat Ocean Gray 2 RAF		XF 82	106	-	RC288	C362	71.273	-	-
Flat Med. Sea Gray 2 RAF		XF 83	165	-	RC289	H335	71.307	-	-
Flat Dank Iron		XF 84	-	-		-	-	-	-
Flat Rubber Black		XF 85	-	-	RC022	H77	71.315	-	-
Flat Clear		XF 86	49	-	RC500	H20	70.520	-	-
IJN Gray (Maizuru A.)		XF 87	-	-	-	-	-	-	-
Flat Dark Yellow 2		XF 88	-	-	-	-	-	-	-
Flat Dark Green 2		XF 89	-	-	-	-	-	-	-
Flat red Brown 2		XF 90	-	-	-	-	-	-	-
Flat IJN Gray YA		XF 91	-	-	-	-	-	-	-
Flat Yellow-Brown DAK 1942		XF 92	-	-	-	-	-	-	-
Flat Light Brown DAK 1942		XF 93	-	-	-	-	-	-	-